TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hơn

2. Bà Trương Ngọc Phiểm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà L, ông T vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 15/10/2019 và 24/10/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng: Vào năm 2005, bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 30/5/2008. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Nguyễn Tấn T không chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay không còn hàn gắn được nữa. Trước đây, bà từng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T nhưng sau đó bà rút đơn để vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Vì vậy, bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông T có một người con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 25/3/2006, hiện đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc gia đình, không thể đến tham dự phiên tòa được nên ngày 24/10/2019, bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 15/10/2019, ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng: Ông không có ý kiến gì, tùy bà L quyết định. Ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà L có một người con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 25/3/2006, hiện đang sống chung với bà L. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý để bà L nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T, chấp nhận cho bà L được quyền nuôi con, về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà L và ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông, bà theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 30/5/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 24/9/2019 địa phương cũng xác định bà L và ông T đã không sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Hiện nay, ông bà đã ly thân, cả hai

không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành mời hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải, hàn gắn lại tình trạng hôn nhân, nhưng ông T không đến và có văn bản ý kiến là bà T muốn quyết định sau thì tùy bà, thể hiện ông T đã không còn sự quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Mặt khác, vào đầu năm 2019 bà L từng nộp đơn ly hôn với ông T, sau đó thì bà rút đơn để vợ chồng có thời gian hàn gắn lại hôn nhân, tuy nhiên ông bà vẫn không hàn gắn được. Điều đó cho thấy, hôn nhân giữa bà L và ông T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Tòa án không đặt ra để xem xét.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có một người con chung Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 25/3/2006, hiện đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được quyền nuôi con và ông T cũng đồng ý. Quyết định này của ông bà cũng phù hợp với nguyện vọng của con vì cháu M có nguyện vọng sống chung với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L. Do bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L và ông T đều xác định không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Tấn T. Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị L được quyền nuôi người con chung giữa bà và ông Nguyễn Tấn T là cháu Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 25/3/2006, hiện đang sống chung với bà L. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con .

Vì lợi ích của con chung, bà L, ông T hoặc các nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, bà L, ông T có quyền

thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Tấn T đều xác định ông bà không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004492 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Thanh